



HAGL Group

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý IV năm 2011

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 30



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 12 năm 2011

B01a-DN

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh Thuyết minh số 28)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.746.485.799	7.704.987.654
110	I. Tiền		2.334.979.337	2.634.154.476
111	1. Tiền	4	2.334.979.337	2.634.154.476
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		81.783.240	81.783.240
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.735.438.605	4.625.574.821
131	1. Phải thu khách hàng	6	578.903.972	328.022.981
132	2. Trả trước cho người bán	7	60.563.127	46.644.861
135	3. Các khoản phải thu khác	8	5.095.971.506	4.250.906.979
140	IV. Hàng tồn kho		536.607.248	303.088.021
141	1. Hàng tồn kho	9	536.607.248	303.088.021
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		57.877.369	60.387.096
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.245.048	41.633.046
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		25.857.923	10.363.103
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		688.673	650.450
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	27.885.725	7.740.497
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.420.201.041	5.159.283.388
220	I. Tài sản cố định		578.844.406	617.453.484
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	364.742.201	358.923.916
222	Nguyên giá		429.362.860	406.217.359
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(64.620.659)	(47.293.443)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	74.108.479	74.463.899
228	Nguyên giá		75.834.772	75.432.978
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.726.293)	(969.079)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	139.993.726	184.065.669
250	II. Các khoản đầu tư dài hạn		7.698.258.601	4.504.839.003
252	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	7.277.967.030	4.099.825.765
258	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	25.500.000	25.500.000
259	3. Đầu tư dài hạn khác	15	394.791.571	379.513.238
260	III. Tài sản dài hạn khác		143.098.034	36.990.901
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	139.543.770	27.674.469
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.941.164	7.703.332
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.613.100	1.613.100
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		17.166.686.840	12.864.271.042

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2011

B01a-DN

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh Thuyết minh số 28)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		7.944.563.005	3.837.819.331
310	I. Nợ ngắn hạn		2.609.229.205	2.953.590.483
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	893.207.464	2.259.196.966
312	2. Phải trả cho người bán		279.227.313	110.657.112
313	3. Người mua trả tiền trước	18	112.443.517	40.952.282
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	206.641.461	181.309.437
315	5. Phải trả công nhân viên		7.721.410	3.775.534
316	6. Chi phí phải trả	20	17.066.739	83.598.661
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	21	1.007.641.661	165.870.540
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		85.279.640	108.229.951
330	II. Nợ dài hạn		5.335.333.800	884.228.848
333	1. Phải trả dài hạn khác		910.241	984.754
334	2. Vay và nợ dài hạn	22	5.334.249.201	883.069.736
336	3. Dự phòng trợ cấp thôi việc		174.358	174.358
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.222.123.835	9.026.451.711
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	9.222.123.835	9.026.451.711
411	1. Vốn cổ phần		4.672.805.900	3.115.206.970
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.880.972.568	3.504.012.140
417	3. Quỹ đầu tư và phát triển		8.622.737	8.622.737
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		230.051.745	210.865.390
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		1.429.670.885	2.187.744.474
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		17.166.686.840	12.864.271.042



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 1 năm 2012



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý IV năm 2011

B02a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	318.666.053	68.288.146	814.685.191	1.133.810.399
02	2. Các khoản giảm trừ	24.1	(86.285)	(77.084)	(527.363)	(335.845)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	318.579.768	68.211.062	814.157.828	1.133.474.554
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(277.177.333)	(56.517.480)	(692.515.928)	(645.072.050)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		41.402.435	11.693.582	121.641.900	488.402.504
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	238.417.272	645.681.410	1.064.691.885	2.346.481.299
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	26	(223.921.843)	(94.105.008)	(726.738.039)	(265.000.877)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(209.938.766)	(76.845.113)	(681.021.895)	(247.121.252)
24	8. Chi phí bán hàng		(11.508.056)	(12.827.343)	(47.803.554)	(41.913.868)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(23.610.900)	(19.304.100)	(90.894.284)	(70.159.094)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		20.778.908	531.138.541	320.897.908	2.457.809.964
31	11. Thu nhập khác	27	1.173.255	423.275	7.600.904	4.233.093
32	12. Chi phí khác	27	(606.366)	(3.814.345)	(15.905.729)	(9.309.702)
40	13. Lãi (lỗ) khác	27	566.889	(3.391.070)	(8.304.825)	(5.076.609)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B02a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 28)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 28)
50	14. Lợi nhuận trước thuế		21.345.797	527.747.471	312.593.083	2.452.733.355
51	15. Thuế TNDN hiện hành		(3.783.997)	(4.716.093)	(82.559.937)	(354.950.570)
52	16. Thuế TNDN hoãn lại		(9.480.334)	6.546.265	(5.762.168)	(12.426.472)
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		8.081.466	529.577.643	224.270.978	2.085.356.313



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 1 năm 2012



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý IV năm 2011

B03a-DN

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh Thuyết minh số 28)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		312.593.083	2.452.733.355
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		21.921.594	20.547.892
03	Các khoản dự phòng		-	(1.185.688)
04	Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái chưa thực hiện		(29.562.044)	(14.699.482)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.017.914.401)	(2.235.298.349)
06	Chi phí lãi vay	26	681.021.895	247.121.252
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(31.939.873)	469.218.980
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(622.312.231)	817.792.157
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(233.519.227)	10.075.415
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		919.364.772	(162.838.141)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		76.956.767	(17.194.235)
13	Tiền lãi vay đã trả		(569.267.068)	(251.145.953)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(41.000.000)	(203.742.580)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(22.439.298)	(42.353.291)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(524.156.158)	619.812.352
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(122.105.541)	(101.410.636)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.170.667	1.767.230
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(271.590.794)	(1.726.529.359)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(3.240.602.032)	(1.679.349.989)
26	Tiền thu từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		377.687.535	1.794.894.598
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		545.669.291	154.483.183
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.709.770.874)	(1.556.144.973)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu		-	1.299.600.000
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu trong tài khoản ký quỹ		582.568.781	(582.568.781)
31	Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ		-	40.154.093
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		5.539.676.847	3.400.461.652
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.604.924.954)	(2.175.286.583)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(292.008.407)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.517.320.674	1.690.351.974

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý IV năm 2011

B03a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 28)
50	Tăng tiền thuần trong năm		283.393.642	754.019.353
60	Tiền đầu năm		2.051.585.695	1.297.566.342
70	Tiền cuối năm	4	2.334.979.337	2.051.585.695



Bà Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 1 năm 2012



Ông Nguyễn Văn Sự
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý IV năm 2011

B09a-DN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (số 5900377720) như sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	Ngày 17 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	Ngày 28 tháng 12 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười tám	Ngày 28 tháng 1 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười chín	Ngày 26 tháng 5 năm 2011

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 10 công ty con sở hữu trực tiếp và 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11 công ty con và 3 công ty liên kết) được trình bày trong Thuyết minh số 14 của các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 39 công ty con cấp bên dưới. Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác; xây dựng; khai khoáng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") và được lập theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 *Cơ sở lập các báo cáo tài chính* (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

2.4 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ quý IV năm 2011 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

3.4 *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời .v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, rừng cao su và trạm của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển rừng cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.9 *Tài sản thuê*

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào đó hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoản thời gian thuê.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 **Đầu tư vào các công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 **Đầu tư vào các công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.14 **Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.15 **Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 **Trích trước trợ cấp thôi việc**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.17 **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Phân phối lợi nhuận thuần*

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

3.19 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu căn hộ

Doanh thu hoạt động bán căn hộ được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ▶ doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng khách sạn và khu nghỉ dưỡng và từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Tiền gửi ngân hàng	2.333.633.832	2.633.291.450
Tiền mặt tại quỹ	1.345.505	859.917
Tiền đang chuyển	-	3.109
Tổng cộng	2.334.979.337	2.634.154.476

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản mục sau đây:

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Tiền	2.334.979.337	2.634.154.476
Trừ tiền thu từ phát hành cổ phiếu được lưu ký trong tài khoản ký quỹ	-	(582.568.781)
Tổng cộng	2.334.979.337	2.051.585.695

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 thể hiện giá trị tài sản ròng của chi nhánh Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	544.169.365	308.051.767
Phải thu tiền bán căn hộ	21.936.833	19.971.214
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	12.797.774	-
Tổng cộng	578.903.972	328.022.981

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	60.563.127	46.644.861
Tổng cộng	60.563.127	46.644.861

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Phải thu các công ty con	4.359.973.500	4.136.019.802
Cho vay ngắn hạn các công ty	646.934.224	41.668.305
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	60.208.307	34.485.835
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	25.213.604	22.243.829
Các khoản khác	3.641.871	16.489.208
Tổng cộng	5.095.971.506	4.250.906.979

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)</i>
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	412.289.482	243.253.314
Thành phẩm	6.987.623	1.139.533
Hàng hóa	2.367.797	2.388.516
Sản phẩm dở dang	51.908.937	40.048.638
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	37.738.714	22.943.153
<i>Sản xuất</i>	14.136.962	17.105.485
<i>Dịch vụ</i>	33.261	-
Nguyên vật liệu	50.046.566	8.431.446
Vật liệu xây dựng	11.812.332	5.816.892
Công cụ, dụng cụ	1.194.511	2.009.682
Tổng cộng	<u>536.607.248</u>	<u>303.088.021</u>

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	27.835.605	7.690.377
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	50.120	50.120
Tổng cộng	<u>27.885.725</u>	<u>7.740.497</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

							Ngàn VNĐ
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vườn cây lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	301.951.023	39.354.238	51.803.629	3.001.138	6.698.345	3.408.986	406.217.359
Tăng trong năm	7.530.427	14.257.840	17.669.605	1.057.474	-	167.258	40.682.604
Giảm trong năm	(1.262.939)	(4.533.133)	(10.774.307)	(42.117)	-	(924.607)	(17.537.103)
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	308.218.511	49.078.945	58.698.927	4.016.495	6.698.345	2.651.637	429.362.860
Khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	(25.053.870)	(9.743.433)	(9.442.356)	(1.101.118)	(941.956)	(1.010.710)	(47.293.443)
Tăng trong năm	(8.835.807)	(4.806.117)	(6.507.714)	(832.118)	(2.005)	(306.267)	(21.290.028)
Giảm trong năm	1.243.922	1.832.313	573.490	42.117	-	270.970	3.962.812
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	(32.645.755)	(12.717.237)	(15.376.580)	(1.891.119)	(943.961)	(1.046.007)	(64.620.659)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	276.897.153	29.610.805	42.361.273	1.900.020	5.756.389	2.398.276	358.923.916
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	275.572.756	36.361.708	43.322.347	2.125.376	5.754.384	1.605.630	364.742.201

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	72.017.005	3.415.973	75.432.978
Tăng trong năm	152.865	248.929	401.794
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	72.169.870	3.664.902	75.834.772
Khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	-	(969.079)	(969.079)
Tăng trong năm	-	(757.214)	(757.214)
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	-	(1.726.293)	(1.726.293)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	72.017.005	2.446.894	74.463.899
Ngày 31 tháng 12 năm 2011	72.169.870	1.938.609	74.108.479

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	54.550.119	159.442.269
Chi phí trồng cây cao su	23.354.899	24.085.690
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và bản quyền phần mềm của hãng SAP	61.431.326	-
Các công trình xây dựng khác	657.382	537.710
Tổng cộng	139.993.726	184.065.669

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

14.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010		
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ	
Các Tổng Công ty con quản lý ngành							
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	90,74	1.684.712.247	88,21	1.775.279.247	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp	Trước hoạt động	95,51	2.748.118.864	99,00	484.571.924	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Đang hoạt động	99,98	1.244.225.000	83,70	837.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	98,80	1.314.440.495	98,80	722.968.795	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Sản xuất	Đang hoạt động	88,60	100.986.248	88,18	100.986.248	
Các Công ty con đã tái cấu trúc xong trong kỳ							
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	-	-	100,00	47.043.575	
Các Công ty con chưa tái cấu trúc xong							
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800	
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	53.424.959	51,00	53.424.959	
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL (i)	Bệnh viện	Trước hoạt động	98,36	84.648.417	46,20	31.140.217	
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	51,85	15.800.000	51,85	15.800.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000	
Tổng cộng				7.277.967.030		4.099.825.765	

(i) Công ty có trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát tại các công ty con này.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

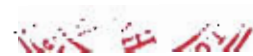
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

14.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	Xây dựng nhà máy thủy điện	42,04	13.000.000	42,04	13.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	25,00	7.500.000	25,00	7.500.000
Công ty Đầu tư và Tư vấn xây dựng Á Đông	Tư vấn, thiết kế	25,00	5.000.000	25,00	5.000.000
Tổng cộng			25.500.000		25.500.000



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Chi phí đất đai để phát triển các dự án	81.183.513	81.183.513
Cho vay Chính phủ Lào (i)	296.098.017	280.819.684
Đầu tư vào cổ phiếu thường	17.360.041	17.360.041
Các khoản đầu tư khác	150.000	150.000
Tổng cộng	394.791.571	379.513.238

(i) Khoản cho vay Chính phủ Lào thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Khoản cho vay này sẽ được hoàn trả bằng gỗ hoặc quota gỗ. Chi tiết như sau:

	<i>Đô la Mỹ</i>
Số nợ gốc ngày 31 tháng 12 năm 2010	14.833.070,13
Số đã thu trong năm	616.725,95
Số dư nợ gốc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14.216.344,18

Trong năm, Công ty đã nhận được gỗ trả nợ từ Chính phủ Lào với giá trị là 616.725,95 Đô la Mỹ.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	27.674.469	35.327.543
Tăng trong năm	155.924.019	23.089.969
	183.598.488	58.417.512
Chi phí phân bổ trong năm	(44.054.718)	(25.392.222)
Điều chuyển sang tài khoản khác	-	(5.350.821)
Số dư cuối kỳ	139.543.770	27.674.469

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Trái phiếu chuyển đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	-	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	779.705.323	733.035.138
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	113.502.141	426.161.828
Tổng cộng	893.207.464	2.259.196.966

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngân VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)</i>
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	90.464.553	32.370.876
Khách hàng thương mại và dịch vụ trả tiền trước	21.978.964	8.581.406
Tổng cộng	112.443.517	40.952.282

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngân VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	197.123.202	179.489.201
Thuế giá trị gia tăng	7.655.244	934.767
Thuế thu nhập cá nhân	1.714.531	737.024
Các khoản phải nộp khác	148.484	148.445
Tổng cộng	206.641.461	181.309.437

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngân VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Chi phí lãi vay	7.226.744	79.381.458
Các khoản khác	9.839.995	4.217.203
Tổng cộng	17.066.739	83.598.661

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngân VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Phải trả các công ty con	965.378.486	142.832.243
Phải trả các công ty khác	9.500.000	9.500.000
Các khoản khác	32.763.175	13.538.297
Tổng cộng	1.007.641.661	165.870.540

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>
Trái phiếu quốc tế	1.793.846.806	-
Trái phiếu hoán đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	1.130.000.000	-
Trái phiếu chuyển đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	1.100.000.000	-
Trái phiếu thường	1.030.000.000	880.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	393.904.536	429.231.564
Tổng cộng	<u>5.447.751.342</u>	<u>1.309.231.564</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)</i>	<i>113.502.141</i>	<i>426.161.828</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>5.334.249.201</i>	<i>883.069.736</i>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

Ngàn VNĐ

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Đã điều chỉnh-Thuyết minh số 28)	3.115.206.970	3.504.012.140	8.622.737	210.865.390	2.187.744.474	9.026.451.711
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	224.270.978	224.270.978
Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu	1.557.598.930	(623.039.572)	-	-	(934.559.358)	-
Trích lập quỹ:						
Dự phòng tài chính	-	-	-	19.186.355	(19.186.355)	-
Khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(19.186.355)	(19.186.355)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(9.412.499)	(9.412.499)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	4.672.805.900	2.880.972.568	8.622.737	230.051.745	1.429.670.885	9.222.123.835



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.280.590 467.280.590	311.520.697 311.520.697
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.280.590 467.280.590	311.520.697 311.520.697
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	467.280.590 467.280.590	311.520.697 311.520.697

HOÀNG ANH GIA LAI
CÔNG TY CỔ PHẦN

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý IV năm 2011

B09a-DN

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Quý IV		Ngân VNĐ	
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)
Doanh thu gộp	318.666.053	68.288.146	814.685.191	1.133.810.399
Trong đó:				
Doanh thu bán hàng hóa	241.368.338	30.928.672	588.925.561	588.993.844
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	49.289.639	10.878.893	112.357.700	430.052.309
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.035.286	24.902.523	95.530.699	90.401.689
Doanh thu căn hộ	5.972.790	1.578.058	17.871.231	24.362.557
Trừ	(86.285)	(77.084)	(527.363)	(335.845)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(86.285)	(77.084)	(527.363)	(335.845)
Doanh thu thuần	318.579.768	68.211.062	814.157.828	1.133.474.554
Trong đó:				
Doanh thu bán hàng hóa	241.368.338	30.928.672	588.925.561	588.993.844
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	49.289.639	10.878.893	112.357.700	430.052.309
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.949.001	24.825.439	95.003.336	90.065.844
Doanh thu căn hộ	5.972.790	1.578.058	17.871.231	24.362.557

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi từ hoạt động đầu tư	-	100.000	359.433.000	987.925.128
Lãi cho vay các công ty con	162.808.401	60.540.484	395.172.449	172.647.756
Lãi tiền gửi ngân hàng	67.065.965	55.805.226	275.358.224	126.789.460
Cổ tức nhận được	-	529.235.700	-	989.438.182
Hoán nhập khoản thặng dư vốn cổ phần đã ghi nhận trước đây liên quan đến lợi nhuận phát sinh trước khi mua công ty con	-	-	-	54.068.925
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.542.906	-	34.248.212	912.364
Các khoản khác	-	-	480.000	14.699.484
Tổng cộng	238.417.272	645.681.410	1.064.691.885	2.346.481.299

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 28)
Giá vốn sản phẩm, hàng hoá	211.834.083	27.766.643	510.010.428	308.450.153
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	46.032.436	9.438.630	103.693.681	252.156.262
Giá vốn dịch vụ cung cấp	14.386.863	18.577.258	64.978.979	65.185.321
Giá vốn căn hộ	4.923.951	734.949	13.832.840	19.280.314
Tổng cộng	277.177.333	56.517.480	692.515.928	645.072.050

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	209.938.766	76.845.113	681.021.895	247.121.252
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	-	-	585.156
Chi phí khác	13.983.077	17.259.895	45.716.144	17.294.469
Tổng cộng	223.921.843	94.105.008	726.738.039	265.000.877

27. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.173.255	423.275	7.600.904	4.233.093
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	-	-	1.170.667	1.767.230
Tiền thu bán phế liệu	70.000	49.478	150.000	283.785
Các khoản khác	1.103.255	373.797	6.280.237	2.182.078
Chi phí khác	(606.366)	(3.814.345)	(15.905.729)	(9.309.702)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	-	(1.170.667)	(1.586.335)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(3.814.345)	-	(4.189.784)
Giá vốn phế liệu	-	-	-	(202.798)
Các khoản khác	(606.366)	-	(14.735.062)	(3.330.785)
Lãi/ (lỗ) thuần	566.889	(3.391.070)	(8.304.825)	(5.076.609)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

28. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu hoạt động bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất để phù hợp với những nguyên tắc của các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng hồi tố. Các số liệu trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ Quý IV/2010 được điều chỉnh như sau:

	<i>Ngân VND</i>		
	<i>Đã trình bày trên Bảng CĐKT tổng hợp ngày 31/12/2010</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số dư sau điều chỉnh hồi tố</i>
Tài sản ngắn hạn	7.693.586.478	11.401.176	7.704.987.654
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.650.209.893	(24.635.072)	4.625.574.821
Phải thu khách hàng	352.658.053	(24.635.072)	328.022.981
Hàng tồn kho	267.056.283	36.031.738	303.088.021
Hàng tồn kho	267.056.283	36.031.738	303.088.021
Tài sản ngắn hạn khác	60.382.586	4.510	60.387.096
Chi phí trả trước ngắn hạn	41.628.536	4.510	41.633.046
Tài sản dài hạn	5.159.054.257	229.131	5.159.283.388
Tài sản dài hạn khác	36.761.770	229.131	36.990.901
Chi phí trả trước dài hạn	27.445.338	229.131	27.674.469
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	12.852.640.735	11.630.307	12.864.271.042
Nợ phải trả	3.810.648.566	27.170.765	3.837.819.331
Nợ ngắn hạn	2.921.219.607	32.370.876	2.953.590.483
Người mua trả tiền trước	8.581.406	32.370.876	40.952.282
Nợ dài hạn	889.428.959	(5.200.111)	884.228.848
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	5.200.111	(5.200.111)	-
Vốn chủ sở hữu	9.041.992.169	(15.540.458)	9.026.451.711
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.203.284.932	(15.540.458)	2.187.744.474
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	12.852.640.735	11.630.307	12.864.271.042

	<i>Ngân VND</i>		
	<i>Đã trình bày trên Báo cáo KQHĐKD tổng hợp giữa niên độ Quý IV/2010</i>	<i>Điều chỉnh hồi tố</i>	<i>Số liệu sau điều chỉnh hồi tố</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	115.766.791	(47.478.645)	68.288.146
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	115.689.707	(47.478.645)	68.211.062
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(87.629.550)	31.112.070	(56.517.480)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.060.157	(16.366.575)	11.693.582
Chi phí bán hàng	(12.971.491)	144.148	(12.827.343)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	547.360.968	(16.222.427)	531.138.541
Lợi nhuận trước thuế	543.969.898	(16.222.427)	527.747.471
Thuế TNDN hoãn lại	1.346.154	5.200.111	6.546.265
Lợi nhuận sau thuế	540.599.959	(11.022.316)	529.577.643

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B09a-DN

28. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (tiếp theo)

	Ngàn VNĐ		
	Đã trình bày trên Báo cáo LCTT tổng hợp năm 2010	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh hồi tố
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.473.473.924	(20.740.569)	2.452.733.355
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	489.959.549	(20.740.569)	469.218.980
Giảm các khoản phải thu	760.786.209	57.005.948	817.792.157
Giảm hàng tồn kho	46.107.153	(36.031.738)	10.075.415
Tăng các khoản chi phí trả trước	(16.960.594)	(233.641)	(17.194.235)

29. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 1 năm 2012



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc